

HIỆU QUẢ KINH TẾ SẢN XUẤT RỪNG TRỒNG Ở MỘT SỐ XÃ HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Trần Ánh Hằng*, Trần Thị Tiểu Như

Khoa Địa lý – Địa chất, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

*Email: tahang@hueuni.edu.vn

Ngày nhận bài: 17/6/2020; ngày hoàn thành phản biện: 6/7/2020; ngày duyệt đăng: 02/10/2020

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm xác định hiệu quả kinh tế sản xuất rừng trồng tại 3 xã Cam Chính, Cam Nghĩa, Cam Thành thuộc huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Bài báo sử dụng công thức xác định hiệu quả kinh tế của rừng trồng thông qua giá trị thu nhập hỗn hợp mà các hộ gia đình đạt được. Thông qua nghiên cứu và phỏng vấn đối với những người dân tham gia trồng rừng đã xác định bình quân mỗi ha rừng trồng sau mỗi chu kỳ kinh doanh kéo dài 5 năm, tại xã Cam Chính thu nhập hỗn hợp đạt 80,280 triệu đồng, xã Cam Nghĩa đạt 50,833 triệu đồng và xã Cam Thành đạt 74, 806 triệu đồng. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở cho các phân tích tiếp theo về hiệu quả của việc trồng rừng tại khu vực huyện Cam Lộ đối với phát triển kinh tế cho người dân trong những giai đoạn hiện nay.

Từ khoá: Hiệu quả kinh tế, sản xuất rừng trồng, Cam Lộ, Quảng Trị.

1. MỞ ĐẦU

Huyện Cam Lộ là một huyện vùng gò đồi với tổng diện tích tự nhiên 34.420,7 ha. Trong đó, diện tích đất rừng có 17.379,2 ha, rừng tự nhiên khoảng 1.972,1 ha, rừng trồng hơn 14.521,2 ha chiếm 83,5% tổng diện tích đất có rừng, diện tích đất không có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp khoảng 4.800 ha [4]. Cho đến những năm gần đây, huyện Cam Lộ đã triển khai công tác thực hiện quản lý rừng dựa vào cộng đồng, việc này đã góp phần rất quan trọng trong việc phát triển rừng. Tình trạng khai thác rừng trái phép, đốt rừng bừa bãi, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng đã hạn chế đi phần nào ở khu vực này. Bên cạnh đó, việc sản xuất rừng trồng giúp cải thiện sinh kế người dân, giải quyết việc làm cho những người thất nghiệp. Tuy nhiên, diện tích rừng tăng nhưng chất lượng rừng ngày càng suy giảm, làm giảm đáng kể các động vật rừng và nhiều tài nguyên liên quan khác. Mặt khác còn nhiều khó khăn trong năng lực quản lý, bảo vệ rừng do rừng xa khu dân cư sinh sống và sự giám sát, hỗ trợ của chính quyền địa phương, lực lượng kiểm lâm khó để đảm bảo thực hiện thường xuyên trong thời

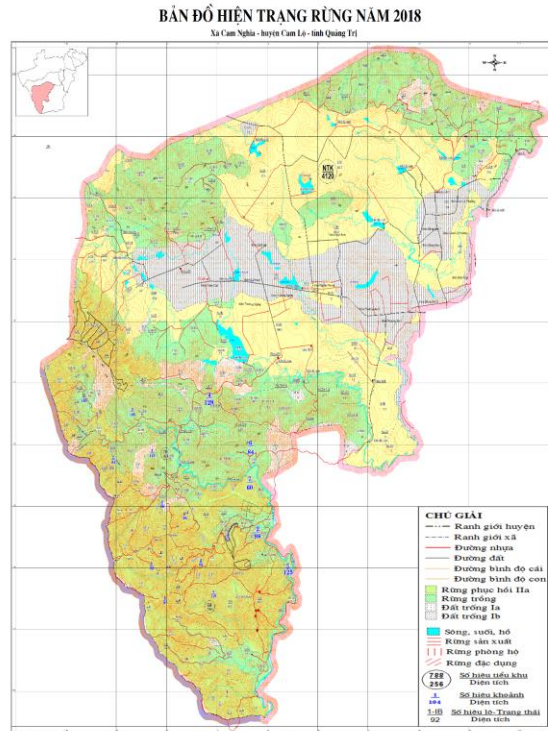
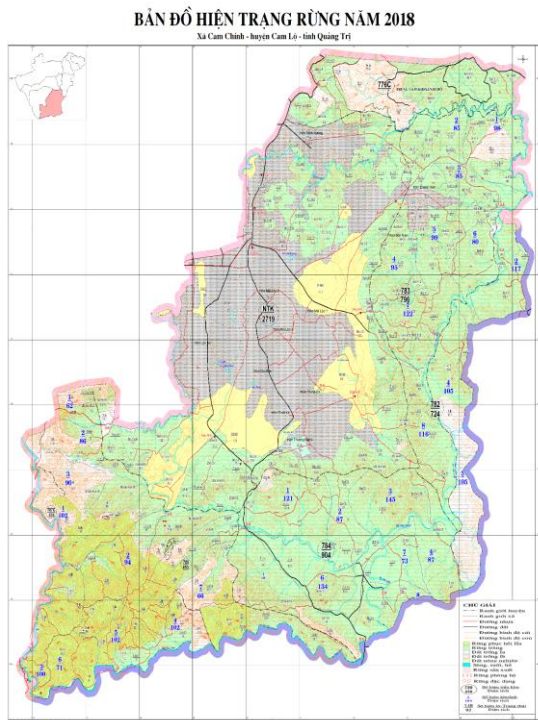
gian qua. Do đó, cần có đánh giá cụ thể về hiệu quả kinh tế của rừng trồng nhằm mục đích nâng cao hiệu quả quản lý rừng trồng và tạo thuận lợi cho xu thế phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường trong tình hình mới.

2. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Giới thiệu khu vực và đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu chủ yếu tiến hành ở 3 xã có diện tích rừng tương đối lớn và vị trí liền kề nhau để thuận lợi cho việc đánh giá chính xác hiệu quả kinh tế của rừng, tập trung vào các xã, thôn như: Cam Chính (Thôn Mai Đàn, Thôn Mai Lộ 1, Thôn Mai Lộ 3, Thôn Thiết Xá); Cam Nghĩa (Thôn Phương An 2, Thôn Hoàn Cát, Thôn Bàng Sơn 3, Thôn Cam Lộ Phường) và Cam Thành (Thôn Cam Phú 1, Thôn Phường Cội, Thôn Tân Mỹ, Thôn Phan Xá).

Đối tượng nghiên cứu trong bài báo tập trung vào rừng trồng và cộng đồng dân cư sử dụng rừng trên địa bàn khu vực.



cho công tác quản lý rừng trồng dựa vào cộng đồng ở hiện tại cũng như trong tương lai.

Đối tượng tiến hành phỏng vấn là cán bộ huyện bao gồm: 1 cán bộ Hạt Kiểm Lâm, 1 cán bộ phòng tài nguyên và môi trường, 1 cán bộ phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn, 1 cán bộ UBND xã để thu thập các thông tin về tình hình quản lý rừng trên địa bàn huyện, kế hoạch giao rừng và cấp giấy chứng nhận quy hoạch quyền sử dụng đất – sử dụng rừng cho cộng đồng...

Bên cạnh đó, đối tượng được phỏng vấn chính là hộ gia đình của thôn hoặc của xã, ưu tiên phỏng vấn các hộ có diện tích rừng tương đối lớn.

b. Phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế

Để tính toán hiệu quả kinh tế trên một ha rừng dựa vào một số chỉ tiêu sau:

- Giá trị sản xuất (GTSX): Là toàn bộ giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ được sản xuất ra trong thời gian nhất định (một vụ, một năm). Công thức tính:

$$GTSX = \sum Q_i * P_i$$

Trong đó: Q_i là khối lượng sản phẩm loại i

P_i là đơn giá sản phẩm i

- Chi phí trung gian (CPTG): Là toàn bộ chi phí vật chất quy ra tiền sử dụng trực tiếp cho quá trình khai thác, bảo vệ rừng. Đối với các hộ trồng rừng thì chi phí trung gian là yếu tố quan trọng quyết định đến kết quả sản xuất và doanh thu sau này của các hộ. Đó là các khoản chi phí cho phát thực bì, đào hố, bón phân, cây giống... Việc sử dụng vốn đầu tư hợp lý để chi trả cho các chi phí này ít hay nhiều phụ thuộc vào điều kiện, đất đai, thổ nhưỡng, trình độ, khả năng tài chính của mỗi hộ.

- Giá trị gia tăng (GTGT): Là hiệu số giữa giá trị sản xuất và giá trị trung gian, là giá trị sản phẩm xã hội được tạo ra thêm trong thời kỳ sản xuất đó.

$$GTGT = GTSX - CPTG$$

- Thu nhập hỗn hợp (TNHH): Là phần thu nhập thuần túy bao gồm cả công lao động của gia đình tham gia sản xuất.

$$TNHH = GTGT - \text{Khấu hao} - \text{Thuế}$$

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối với hoạt động trồng rừng sản xuất trên địa bàn xã thì những loại cây được trồng là cây keo tai tượng, keo lai hom, keo lai ... nhưng keo lai chiếm 90% tổng diện tích lâm nghiệp vì đây là loại cây sinh trưởng và phát triển nhanh, thích hợp với nhiều loại đất, đặc biệt là có thể sống được với điều kiện khí hậu khắc nghiệt, đất đai khô cằn

nhưng lại cho năng suất cao hơn các loại cây khác. Do đó, cây keo lai được áp dụng trồng thay thế những cây trồng năng suất thấp và đã tiến hành khai thác keo lai hiệu quả mang lại năng suất cao và đáp ứng nhu cầu cộng đồng tại khu vực.

Xét trên một đơn vị diện tích (ha), một ha rừng trồng 5 tuổi tại khu vực nghiên cứu, có giá thu mua gỗ là 1.250.000đ/tấn. Chi phí đầu tư cho canh tác rừng thể hiện:

Bảng 1. Chi phí đầu tư cho một chu kỳ trồng và khai thác rừng (tính bình quân cho 1 ha)

DVT: 1000đ

CHI PHÍ	CAM CHÍNH		CAM NGHĨA		CAM THÀNH	
	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)
TỔNG CHI PHÍ	33,631.8	100	34,578.6	100,0	35,603.5	100
I. Chi phí trồng	12,926.3	38,4	13,020.6	37,6	13,802.5	38,7
1. Chi phí trung gian	10,476.5	78,4	10,621.8	81,5	11,267.5	81,6
- Phát thực bì	450.5	4,3	450.9	4,2	463.2	4,1
- Trồng	880.3	8,4	890.0	8,3	890.3	7,9
- Giống	1,494.1	14,2	1,614.0	15,1	1,524.3	13,5
- Phân bón	3,320	31,6	3,322.7	31,2	3,458.2	30,6
- Thuê lao động	2,586	24,6	2,545	23,9	2,686	23,8
- Phí khác	1,745.6	16,6	1,760.8	16,5	1,830.8	16,2
2. Chi phí tự có (bảo vệ, công chăm sóc, phí khác)	2,449.8	18,9	2,398.8	18,4	2,235	16,1
II. Tổng chi phí khai thác	20,705.5	61,5	21,558	62,3	21,801.1	61,2
1. Chi phí trung gian	19,655.2	94,9	20,008	92,8	20,746.1	95,1
- Làm đường	1,455.2	7,4	1,412	7,0	1,200	5,7
- Khai thác	8,117	41,2	8,564	42,8	8,996	43,4
- Vận chuyển	10,083	51,3	10,032	50,1	10,250.1	49,4
2. Chi phí tự có (Phí khác, bảo vệ)	1,050.3	5,0	1,550	7,1	1,355	6,5

(Nguồn: Điều tra phỏng vấn)

Quan sát quá trình trồng có thể thấy, các cây lâm nghiệp có thời gian từ lúc trồng đến khi thu hoạch tương đối dài, vì vậy chi phí cho cả chu kỳ này rất lớn. Tổng chi phí trồng rừng và chi phí khai thác gỗ ở xã Cam Chính là 33, 631 triệu đồng/hộ; Cam Nghĩa là 34.578,6 triệu đồng/hộ; Cam Thành 35.603,5 triệu đồng/hộ bình quân cho một ha keo trong thời gian 5 năm. Khoản chi phí này bao gồm hai giai đoạn chính là giai đoạn trồng và giai đoạn khai thác.

Tại xã Cam Chính, chi phí trồng rừng được nhận thấy ít nhất là 12,926.3 triệu đồng chiếm 38,4% tổng chi phí; còn xã Cam Nghĩa và Cam Thành với tổng chi phí trồng rừng trung bình tiêu tốn tương đương nhau. Trong khi đó, chi phí khai thác gỗ

tại xã Cam Thành nhiều nhất với trung bình 21,801.1 triệu đồng chiếm 61,2% tổng chi phí.

Chi phí trung gian trong quá trình trồng rừng, gồm có chi phí phân bón chiếm nhiều nhất ở cả 3 xã, xã Cam Thành 3,458.2 triệu đồng chiếm 30,6% tổng chi phí, xã Cam Nghĩa là 3,322.7 triệu đồng chiếm 31,2% tổng chi phí và xã Cam Chính là 3,320 triệu đồng, chiếm 31,6% tổng chi phí trung gian. Điều này, có thể được giải thích bởi giai đoạn trồng thông thường thì nông dân phải bón phân nhiều. Tại khu vực, quá trình canh tác người dân thường bón phân lúc bắt đầu trồng và bón thêm một lần nữa vào thời kỳ chăm sóc nên làm cho chi phí này cao hơn. Còn các khoản chi phí như xử lý thực bì, đào hố, giống, thuê lao động tương đối đồng đều nhau.

Chi phí khai thác cũng là một khoản phí khá lớn, tổng chi phí để khai thác một ha keo ở mỗi xã: Cam Chính là 20,705 triệu đồng chiếm 61,5% tổng chi phí; xã Cam Nghĩa là 21,558 triệu đồng chiếm 62,3% tổng chi phí và xã Cam Thành là 21,801 triệu đồng, chiếm 61,2% tổng chi phí. Trong đó, chi phí trung gian trong khai thác của xã Cam Nghĩa là nhiều nhất 20,746 triệu đồng, chiếm 95,1% tổng chi phí trung gian, lý do giải thích ở đây là nơi sản xuất khá xa các nhà máy chế biến và nơi tiêu thụ sản phẩm, nên người dân phải tốn nhiều chi phí cho việc làm đường, khai thác và vận chuyển các sản phẩm. Bên cạnh đó, giá xăng dầu tăng mạnh cũng là một trong những nguyên nhân làm cho chi phí vận chuyển cao hơn. Khi cây trồng đã đến thời kỳ thu hoạch để cho ra khối lượng sản phẩm gỗ keo thì khâu khai thác cũng rất quan trọng, khâu này bao gồm các giai đoạn: cưa cây, cắt khúc, bóc vỏ, vận chuyển lên xe. Hoạt động trồng keo diễn ra ở những vùng gò đồi, giao thông đi lại khó khăn, do đó để thuận lợi cho khai thác thì cần mở đường cho các phương tiện vận chuyển có thể đến tận nơi để chở hàng. Đối với những vườn keo ở xa hoặc nằm ở những vùng khó khăn đi lại thì phải thuê máy móc để mở đường. Chi phí làm đường tại xã Cam Thành 1,200 triệu đồng, chiếm 5,7% chi phí trung gian.

Trong quá trình trồng ngoài việc phải thuê thêm lao động thì hộ đã sử dụng lao động sẵn có của gia đình vào việc trồng cây và chăm sóc nên được tính vào phần chi phí tự có. Chi phí tự có ở giai đoạn trồng tiêu tốn nhiều hơn chi phí tự có ở giai đoạn khai thác, phần chi phí tự có ở giai đoạn trồng của xã Cam Chính tiêu tốn nhiều nhất trong khu vực nghiên cứu là 2,449.8 triệu đồng, chiếm 18,9% trong tổng chi phí trồng, điều này có nghĩa là công bỏ ra của hộ gia đình để trồng cây, chăm sóc, bảo vệ và các tư liệu sản xuất có sẵn trong gia đình ở xã này là tiêu tốn nhiều nhất. Khoản chi phí này càng lớn, việc sử dụng lao động tự có làm giảm khoản chi phí mà hộ phải thuê lao động. Phần chi phí tự có giai đoạn khai thác của xã Cam Thành tốn nhiều nhất 1,550 triệu đồng, chiếm 7,1% tổng chi phí khai thác, trong khai thác các hộ chủ yếu sử dụng hình thức khoán lao động nên chi phí tự có này là chi phí quản lý khai thác, phí bảo vệ sản phẩm.

Năm 2019, với diện tích khai thác gỗ tính trung bình của mỗi xã là 1 ha và mức thuế canh tác rừng mà mỗi hộ gia đình canh tác phải nộp cho cơ quan Nhà nước là 150.000đ/ha/năm. Hiệu quả kinh tế được tính toán và thể hiện thông qua bảng sau:

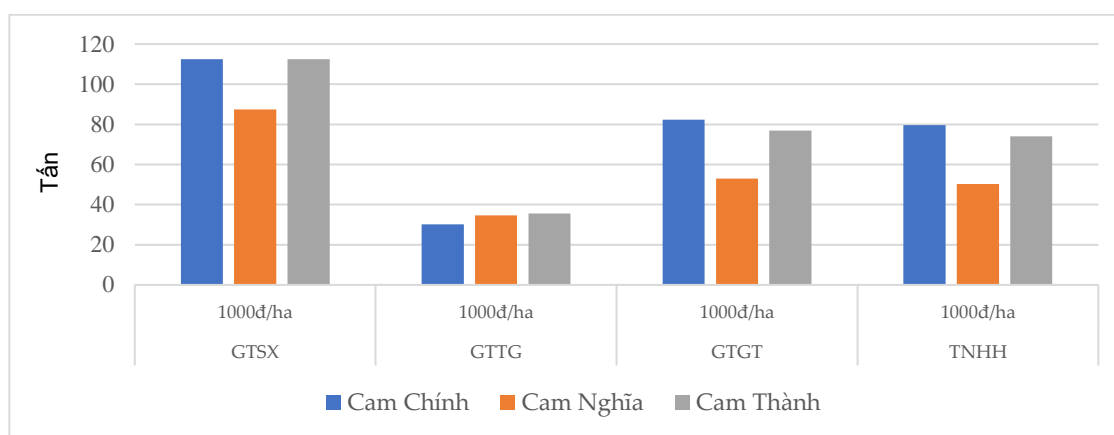
Bảng 2. Hiệu quả kinh tế của rừng trồng tại khu vực nghiên cứu năm 2019

Xã	Trữ lượng khai thác (tấn)	Giá trị sản xuất (1000đ/ha)	Giá trị trung gian (1000đ/ha)	Giá trị gia tăng (1000đ/ha)	Thu nhập hỗn hợp (1000đ/ha)
Cam Chính	90	112.500	30,131.7	82,368.3	80,280.3
Cam Nghĩa	70	87.500	34,578.6	52,921.4	50,833.4
Cam Thành	90	112.500	35,603.5	76,896.5	74,808.5

(Nguồn: Tính toán và tổng hợp từ phiếu điều tra)

Nhìn vào bảng 2 có thể thấy rằng, bình quân mỗi ha rừng trồng sau mỗi chu kỳ kéo dài 5 năm, tại xã Cam Chính thu nhập hỗn hợp đạt 80,280.3 triệu đồng; xã Cam Nghĩa đạt 50,833.4 triệu đồng và tại xã Cam Thành đạt 74,808.5 triệu đồng. Có thể nói kết quả và hiệu quả trồng rừng ở đây tương đối cao, mang lại nguồn thu nhập cao, góp phần giải quyết việc làm, cải thiện cuộc sống đặc biệt là góp phần xóa đói giảm nghèo cho những hộ đặc biệt khó khăn. Điều này được thể hiện rõ qua bảng kết quả và hiệu quả trồng rừng bình quân hộ.

Đối với xã Cam Nghĩa, trữ lượng khai thác 70 tấn ít hơn trữ lượng khai thác của hai xã Cam Chính và Cam Thành, do đó giá trị sản xuất đạt được thấp chỉ 87,500 triệu đồng trên ha. Chi phí trung gian xã Cam Thành bỏ ra để thuê và mua dịch vụ vật chất trực tiếp lớn nhất đạt 35,603.5 triệu đồng; xã Cam Chính chi phí trung gian tiêu tốn 30,131.7 triệu trên ha và xã Cam Nghĩa chi phí trung gian tiêu tốn 34,578.6 triệu đồng trên ha, chi phí này tương đối cao nếu đối với các hộ gia đình hộ nghèo việc đầu tư vốn như vậy rất khó để trả trong thời gian ngắn. Tại xã Cam Chính việc tiêu tốn chi phí trung gian thấp nhất cho nên giá trị gia tăng của xã đạt đến 82,368.3 triệu đồng, dẫn đến thu nhập hỗn hợp xã Cam Chính đạt lớn nhất là 80,280.3 triệu đồng trên ha. Do đó, diện tích trồng rừng không quyết định đến lượng gỗ khai thác và cũng như thu nhập hỗn hợp đạt được. Nhưng thu nhập hỗn hợp từ rừng phụ thuộc vào trữ lượng gỗ khai thác, cũng như phụ thuộc chi phí trung gian và giá trị gia tăng.



Hình 2. Hiệu quả kinh tế bình quân theo xã

Như vậy có thể rút ra rằng trồng rừng là một trong những giải pháp giúp những hộ gia đình tại khu vực nghiên cứu có thu nhập cao và cuộc sống ổn định trong tương lai. Tuy nhiên, với thực tế thiếu vốn đầu tư và sự biến động giá cả của các yếu tố đầu vào như giá cả phân bón, giá cây giống và công lao động trên thị trường đã ảnh hưởng đến tâm lý đầu tư của các hộ điều tra. Mặt khác, thời gian chờ đợi thu hoạch dài cũng là một trong những nguyên nhân khiến các chủ rừng có thể khai thác rừng sớm do thiếu vốn hoặc không có nguồn thu để trang trải cho cuộc sống.

4. KẾT LUẬN

Hiệu quả kinh tế trong quản lý rừng dựa vào cộng đồng được thể hiện qua giá trị thu nhập hỗn hợp mà các hộ gia đình đạt được. Tại xã Cam Chính thu nhập hỗn hợp đạt được 79,632.3 triệu đồng/ha với trữ lượng gỗ 90 tấn, trong thời gian 5 năm bình quân các hộ trồng rừng đã thu được số tiền khá lớn. Khoản thu này phản ánh rừng trồng do cộng đồng quản lý đã mang lại hiệu quả thiết thực, đóng góp vào tài chính gia đình, góp phần cải thiện đời sống của người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hạt Kiểm Lâm huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị (2018), *Báo cáo công tác giao rừng tự nhiên cho hộ gia đình, cá nhân giai đoạn 2012-2018*.
- [2] Đinh Hữu Hoàng, Đặng Kim Sơn (2007), *Giao đất và giao rừng ở Việt Nam – Chính sách và thực tiễn*, Viện chính sách và phát triển Nông Nghiệp và Nông Thôn.
- [3] Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cam Lộ tỉnh Quảng Trị (2018), *Phương án giao rừng Cam Chính, Cam Nghĩa, Cam Thành*.
- [4] UBND huyện Cam Lộ tỉnh Quảng Trị (2013), *Đề án giao rừng tự nhiên cho hộ gia đình, cá nhân đến năm 2015 định hướng 2020 huyện Cam Lộ, Quảng Trị, Việt Nam*.
- [5] UBND huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị (2014), *Đề án nâng cao hiệu quả kinh tế và phát triển rừng bền vững giai đoạn 2014-2020*.

ECONOMIC EFFICIENCY OF PLANTATION FORESTS IN SOME COMMUNES OF CAM LO DISTRICT, QUANG TRI PROVINCE

Tran Anh Hang*, Tran Thi Tieu Nhu

Faculty of Geology and Geography, University of Sciences, Hue University

*Email: tahang@hueuni.edu.vn

ABSTRACT

The study is aimed to determine the economic efficiency of production forest in three communes namely Cam Chinh, Cam Nghia and Cam Thanh of Cam Lo district, Quang Tri province. The paper uses a formula to determine the economic efficiency of plantation forests through the income that households had achieved. Through the results of research and interview for people participating in afforestation, it was determined that the average income is 80,280 millions VND for Cam Chinh, 50,833.4 millions VND for Cam Nghia and 74,808.5 millions VND for Cam Thanh on each hectare of production forest after 5 years of business cycle. This results provide a foundation for further analysis of the effects of afforestation in the Cam Lo district and economic development for people in the current periods.

Keywords: Cam Lo, Economic efficiency, plantation forest, , Quang Tri.



Trần Ánh Hằng sinh ngày 15/9/1990 tại TP. Huế. Năm 2012, bà tốt nghiệp Cử nhân ngành Địa lý tài nguyên và môi trường tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2014, bà nhận học vị Thạc sĩ ngành Địa lý tài nguyên và môi trường tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Từ năm 2013 đến nay, bà công tác tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Biến đổi khí hậu, tai biến thiên nhiên và sinh khí hậu, tài nguyên môi trường, những tác động và phát triển bền vững.



Trần Thị Tiểu Như sinh ngày 26/3/1997 tại Quảng Trị. Năm 2019, bà tốt nghiệp Cử nhân ngành Địa lý tài nguyên và môi trường tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Từ năm 2020 đến nay, bà công tác liên quan đến thực phẩm sạch tại thành phố Đà Nẵng.

Lĩnh vực nghiên cứu: Tài nguyên rừng, môi trường và những tác động.